

# Lịch ngày làm việc cho năm 2022. (Latvia)

## Tháng 1

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
52						1	2
01	3	4	5	6	7	8	9
02	10	11	12	13	14	15	16
03	17	18	19	20	21	22	23
04	24	25	26	27	28	29	30
05	31						

## Tháng 2

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
05		1	2	3	4	5	6
06	7	8	9	10	11	12	13
07	14	15	16	17	18	19	20
08	21	22	23	24	25	26	27
09	28						

## Tháng 3

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
09		1	2	3	4	5	6
10	7	8	9	10	11	12	13
11	14	15	16	17	18	19	20
12	21	22	23	24	25	26	27
13	28	29	30	31			

## Tháng 4

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
13				1	2	3	
14	4	5	6	7	8	9	10
15	11	12	13	14	15	16	17
16	18	19	20	21	22	23	24
17	25	26	27	28	29	30	

## Tháng 5

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
17						1	
18	2	3	4	5	6	7	8
19	9	10	11	12	13	14	15
20	16	17	18	19	20	21	22
21	23	24	25	26	27	28	29
22	30	31					

## Tháng 6

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
22		1	2	3	4	5	
23	6	7	8	9	10	11	12
24	13	14	15	16	17	18	19
25	20	21	22	23	24	25	26
26	27	28	29	30			

## Tháng 7

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
26				1	2	3	
27	4	5	6	7	8	9	10
28	11	12	13	14	15	16	17
29	18	19	20	21	22	23	24
30	25	26	27	28	29	30	31

## Tháng 8

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
31	1	2	3	4	5	6	7
32	8	9	10	11	12	13	14
33	15	16	17	18	19	20	21
34	22	23	24	25	26	27	28
35	29	30	31				

## Tháng 9

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
35				1	2	3	4
36	5	6	7	8	9	10	11
37	12	13	14	15	16	17	18
38	19	20	21	22	23	24	25
39	26	27	28	29	30		

## Tháng 10

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
39						1	2
40	3	4	5	6	7	8	9
41	10	11	12	13	14	15	16
42	17	18	19	20	21	22	23
43	24	25	26	27	28	29	30
44	31						

## Tháng 11

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
44	1	2	3	4	5	6	
45	7	8	9	10	11	12	13
46	14	15	16	17	18	19	20
47	21	22	23	24	25	26	27
48	28	29	30				

## Tháng 12

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
48				1	2	3	4
49	5	6	7	8	9	10	11
50	12	13	14	15	16	17	18
51	19	20	21	22	23	24	25
52	26	27	28	29	30	31	

Giai đoạn	Số ngày			Giờ làm việc mỗi tuần		
	Lịch ngày	Ngày làm việc	Ngày nghỉ	40 giờ tuần	36 giờ tuần	24 giờ tuần
Tháng 1	31	21	10	168	151.2	100.8
Tháng 2	28	20	8	160	144	96
Tháng 3	31	23	8	184	165.6	110.4
Tháng 4	30	19	11	152	136.8	91.2
Tháng 5	31	21	10	168	151.2	100.8
Tháng 6	30	20	10	160	144	96
Tháng 7	31	21	10	168	151.2	100.8
Tháng 8	31	23	8	184	165.6	110.4
Tháng 9	30	22	8	176	158.4	105.6
Tháng 10	31	21	10	168	151.2	100.8
Tháng 11	30	21	9	168	151.2	100.8
Tháng 12	31	21	10	168	151.2	100.8
1 phần tư	90	64	26	512	460.8	307.2
2 phần tư	91	60	31	480	432	288
1 nửa năm	181	124	57	992	892.8	595.2
3 phần tư	92	66	26	528	475.2	316.8
4 phần tư	92	63	29	504	453.6	302.4
2 nửa năm	184	129	55	1032	928.8	619.2
1 năm	365	253	112	2024	1821.6	1214.4

1 thg 1, 2022	Ngày đầu năm	23 thg 6, 2022	Đêm giao thừa
15 thg 4, 2022	Thứ sáu tốt lành	24 thg 6, 2022	Ngày mùa hè
17 thg 4, 2022	Chủ nhật Phục sinh	18 thg 11, 2022	Ngày tuyên bố của Cộng hòa Latvia
18 thg 4, 2022	Thứ Hai Phục Sinh	24 thg 12, 2022	đêm Giáng sinh
1 thg 5, 2022	Ngày lao động	25 thg 12, 2022	ngày Giáng Sinh
1 thg 5, 2022	Ngày hội đồng lập hiến	26 thg 12, 2022	Ngày thứ hai của lễ giáng sinh
4 thg 5, 2022	Ngày phục hồi độc lập	31 thg 12, 2022	Giao thừa
8 thg 5, 2022	Ngày của Mẹ	1 thg 5, 2022	Ngày tháng năm
5 thg 6, 2022	Whitsunday		